**10.1. Change Username**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC 10.1. | |
| **Use-case name:** | Change username. | |
| **Actor(s):** | User. | |
| **Summary:** | Cho phép người dùng thay đổi username. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng truy cập vào "Settings". |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn. |
| 3. Người dùng truy cập vào chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |
| 5. Người dùng tiến hành thay đổi username ở textfield username. |  |
|  | 6. Hệ thống kiểm tra username. E1 |
|  | 7. Hệ thống ghi nhận username mới. |
| 8. Người dùng nhấn "OK" để lưu thay đổi. A1 |  |
|  | 9. Hệ thống sẽ tiến hành hiển thị thông tin sau khi sửa đổi của người dùng, sau đó cập nhật xuống CSDL. |
| **Alternative paths:** | **A1** | |
| **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấn "Cancel" để thoát khỏi giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 2. Hệ thống vẫn giữ lại thông tin ban đầu, không cập nhật xuống CSDL. |
| **Exception paths:** | Hệ thống sẽ báo lỗi khi người vi phạm các ràng buộc sau: E1: Quá số kí tự quy định và vi phạm về dữ liệu nhập (chữ, số, kí tự đặc biệt) hoặc bỏ trống. | |
| **Extension points:** | Username sau khi thay đổi không được trùng với username trước đó. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn thay đổi username. | |
| **Pre-condition:** | Username của người dùng trước đó phải tồn tại. | |
| **Post-condition:** | Người dùng nhận được username mới. | |

**10.2. Change Password**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC 10.2. | |
| **Use-case name:** | Change password. | |
| **Actor(s):** | User. | |
| **Summary:** | Cho phép người dùng thay đổi mật khẩu. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng truy cập vào "Settings". |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn. |
| 3. Người dùng truy cập vào chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |
| 5. Người dùng tiến hành thay đổi password ở textfield password. |  |
|  | 6. Hệ thống kiểm tra password. E1, E2 |
|  | 7. Hệ thống ghi nhận password mới. |
| 8. Người dùng nhấn "OK" để lưu thay đổi. A1 |  |
|  | 9. Hệ thống sẽ tiến hành hiển thị thông tin sau khi sửa đổi của người dùng, sau đó cập nhật xuống CSDL. |
| **Alternative paths:** | **A1** | |
| **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấn "Cancel" để thoát khỏi giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 2. Hệ thống vẫn giữ lại thông tin ban đầu, không cập nhật xuống CSDL. |
| **Exception paths:** | Hệ thống sẽ báo lỗi khi người dùng vi phạm các ràng buộc sau: E1: Vi phạm về dữ liệu nhập (chữ, số, kí tự đặc biệt) hoặc bỏ trống. E2: Xác thực mật khẩu sai (mật khẩu mới không trùng với mật khẩu cũ). | |
| **Extension points:** | Mật khẩu được hiển thị dưới dạng kí tự '\*'. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn thay đổi password. | |
| **Pre-condition:** | Password phải tồn tại trước đó. | |
| **Post-condition:** | Người dùng nhận được password mới. | |

**10.3. Change Location**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC 10.3. | |
| **Use-case name:** | Change location. | |
| **Actor(s):** | User. | |
| **Summary:** | Cho phép người dùng thay đổi vùng hiện tại. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng truy cập vào "Settings". |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn. |
| 3. Người dùng truy cập vào chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |
| 5. Người dùng tiến hành thay đổi location ở combobox location. |  |
|  | 6. Hệ thống ghi nhận location mới do người dùng chọn. |
| 7. Người dùng nhấn "OK" để lưu thay đổi. **A1** |  |
|  | 8. Hệ thống sẽ tiến hành hiển thị thông tin sau khi sửa đổi của người dùng, sau đó cập nhật xuống CSDL. |
| **Alternative paths:** | **A1** | |
| **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấn "Cancel" để thoát khỏi giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 2. Hệ thống vẫn giữ lại thông tin ban đầu, không cập nhật xuống CSDL. |
| **Exception paths:** | Lỗi mã nguồn. | |
| **Extension points:** | Không có. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn thay đổi location. | |
| **Pre-condition:** | Không có. | |
| **Post-condition:** | Người dùng nhận được location mới. | |

**10.4. Change Email**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC 10.4. | |
| **Use-case name:** | Change email. | |
| **Actor(s):** | User. | |
| **Summary:** | Cho phép người dùng thay đổi email. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng truy cập vào "Settings". |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn. |
| 3. Người dùng truy cập vào chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |
| 5. Người dùng tiến hành thay đổi email ở textfield email. |  |
|  | 6. Hệ thống kiểm tra email. E1 |
|  | 7. Hệ thống ghi nhận email. |
| 8. Người dùng nhấn "OK" để lưu thay đổi. A1 |  |
|  | 9. Hệ thống sẽ tiến hành hiển thị thông tin sau khi sửa đổi của người dùng, sau đó cập nhật xuống CSDL. |
| **Alternative paths:** | **A1** | |
| **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấn "Cancel" để thoát khỏi giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 2. Hệ thống vẫn giữ lại thông tin ban đầu, không cập nhật xuống CSDL. |
| **Exception paths:** | Hệ thống sẽ báo lỗi khi người vi phạm các ràng buộc sau: E1: Vi phạm về dữ liệu nhập (sai định dạng email). | |
| **Extension points:** | "Định dạng email": Phải chứa kí tự '@'. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn thay đổi email. | |
| **Pre-condition:** | Không có. | |
| **Post-condition:** | Người dùng nhận được email mới. | |

**10.5. Change Name**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC 10.5. | |
| **Use-case name:** | Change name. | |
| **Actor(s):** | User. | |
| **Summary:** | Cho phép người dùng thay đổi tên. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng truy cập vào "Settings". |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn. |
| 3. Người dùng truy cập vào chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |
| 5. Người dùng tiến hành thay đổi tên ở textfield name. |  |
|  | 6. Hệ thống kiểm tra tên. **E1** |
|  | 7. Hệ thống ghi nhận tên. |
| 8. Người dùng nhấn "OK" để lưu thay đổi. **A1** |  |
|  | 9. Hệ thống sẽ tiến hành hiển thị thông tin sau khi sửa đổi của người dùng, sau đó cập nhật xuống CSDL. |
| **Alternative paths:** | **A1** | |
| **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng nhấn "Cancel" để thoát khỏi giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 2. Hệ thống vẫn giữ lại thông tin ban đầu, không cập nhật xuống CSDL. |
| **Exception paths:** | Hệ thống sẽ báo lỗi khi người vi phạm các ràng buộc sau: **E1:** Vi phạm về dữ liệu nhập (chứa số và kí tự đặc biệt). | |
| **Extension points:** | "Kí tự đặc biệt": !@#$%^&\*()\_+, v.v | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn thay đổi tên. | |
| **Pre-condition:** | Phải có tên trước (tên không bỏ trống). | |
| **Post-condition:** | Người dùng nhận được tên mới. | |

**10.6. Change Google Account**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | UC 10.6. | |
| **Use-case name:** | Change or add Google account. | |
| **Actor(s):** | User, Google. | |
| **Summary:** | Cho phép người dùng thay đổi thay đổi hoặc thêm tài khoản Google. | |
| **Basic course of events:** | **Actor actions** | **System response** |
| 1. Người dùng truy cập vào Settings. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh mục các tùy chọn. |
| 3. Người dùng truy cập vào chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |
| 5. Người dùng click "Add Google account". |  |
|  | 6. Hệ thống hiện hộp thoại gợi ý tài khoản Google hiện có. |
| 7. Người dùng chọn tài khoản Google cần thêm. |  |
|  | 8. Hệ thống sẽ hiển thị tài khoản vừa thêm ở textfield Google account. |
| 9. Người dùng nhấn "OK" để lưu thay đổi. **A1** |  |
|  | 10. Hệ thống sẽ tiến hành hiển thị thông tin sau khi sửa đổi của người dùng, sau đó cập nhật xuống CSDL. |
| **Alternative paths:** | **A1** | |
| **Actor actions** | **System response** |
| 11. Người dùng nhấn "Cancel" để thoát khỏi giao diện chỉnh sửa thông tin cá nhân. |  |
|  | 12. Hệ thống vẫn giữ lại thông tin ban đầu, không cập nhật xuống CSDL. |
| **Exception paths:** | Lỗi mã nguồn. | |
| **Extension points:** | Không có. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn thêm tài khoản Google. | |
| **Pre-condition:** | Không có. | |
| **Post-condition:** | Tài khoản Google đã được thêm. | |